TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hằng.

2. Bà Hoàng Thị Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 117/2026/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hà M, sinh năm: 1990 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số 075190010355 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/7/2022.

Địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã P, Thành phố Đ.

- *Bị đơn:* Ông Vương Chí M1, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ G, ấp H, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hà M, trình bày:

Bà Nguyễn Hà M và ông Vương Chí M1 xây dựng gia đình vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Nay là UBND xã

P, Thành phố Đ), hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó trong quá trình sống chung, bà M và ông M1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng về quan điểm sống thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà M và ông M1 đã cố gắng hòa giải với nhau nhưng không thành. Bà M và ông M1 đã ly thân 10 năm nay, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông M1.

Về con chung: Bà Nguyễn Hà M và ông Vương Chí M1 có 01 con chung tên Vương Hà Hiếu L, sinh ngày 02/7/2013. Bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông M1 tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Vương Chí M1 đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông M1 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên tòa ông M1 đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Hà M yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Vương Chí M1 đây là quan hệ pháp luật *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Vương Chí M1 có nơi cư trú tại xã K, Thành phố Hồ Chí Minh, theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình tham gia tố tụng ông Vương Chí M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông M1 vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Hà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bà M, ông M1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Công văn số 305/CV – VKS ngày 13/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh, về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, vì lý do Tòa án không thu thập chứng cứ và cũng không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành

phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa vụ án nói trên. Căn cứ quy định tại Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử khi Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hà M, xây dựng gia đình với ông Vương Chí M1 vào năm 2012 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012 đăng ký ngày 06 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã P, Thành phố Đ), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà M cho rằng cuộc sống chung giữa bà M và ông M1 hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, không phù hợp về lối sống nên thường xuyên cãi nhau,vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà M và ông M1 đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà M và ông M1 đã ly thân từ 10 năm nay, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông M1.

Kết quả xác minh tại địa phương: Tại thời điểm xác minh bà Nguyễn Hà M đang sinh sống tại N, Đồng Nai. Còn ông Vương Chí M1 có đăng ký thường trú tại địa phương. Theo lời trình bày của bà M thì hai người đã ly thân 10 năm, do đó hai người không còn sinh sống với nhau tại địa phương. Bà M và ông M1 có một người con chung là Vương Hà Hiểu L, sinh năm 2013. Hiện cháu L đang sống với bà M. Bà M làm nghề kinh doanh tự do, do đó đủ điều kiện để chăm lo cho cháu L.

Xét yêu cầu của bà M cho thấy: Sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà M và ông M1 phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng hiện tại bà M và ông M1 không sống cùng nhau, đã ly thân 10 năm, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Sau khi bà M gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông M1 vắng mặt không lý do, bà M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông M1.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông M1 thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông M1.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Hà M và ông Vương Chí M1, có 01 con chung tên Vương Hà Hiểu L, sinh ngày 02/7/2013.

Xét yêu cầu của bà M về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho thấy: Từ khi bà M nộp đơn, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay, ông M1 không thể hiện ý kiến của mình về việc bà M có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung đang sống cùng bà M, được bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của con chung tên L, có nguyện vọng được sống cùng bà M. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử giao con chung tên Vương Hà Hiểu L cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà M không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Hà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Hà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hà M đối với ông Vương Chí M1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hà M được ly hôn với ông Vương Chí M1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Hà M và ông Vương Chí M1 có 01 con chung tên Vương Hà Hiểu L, sinh ngày 02/7/2013. Giao con chung cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ông Vương Chí M1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vương Chí M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Hà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Hà M, phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013855 ngày 04/3/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV14 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã Phước An, Thành phố Đồng Nai);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo